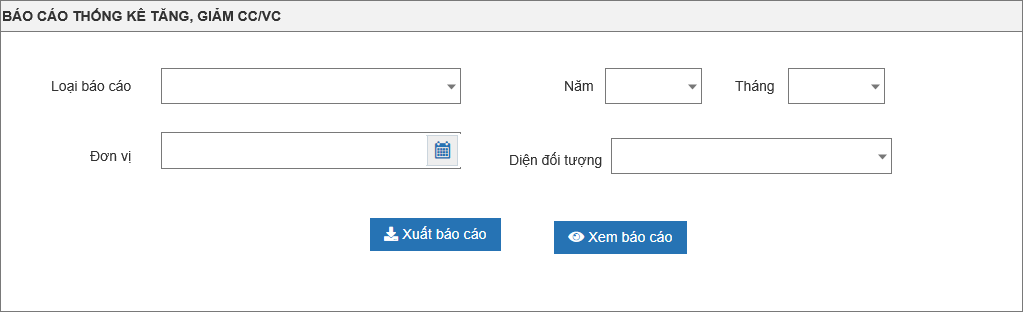
### **Báo cáo thi đua khen thưởng**

Menu: Đăng nhập vào hệ thống/ Vào báo cáo thống kê/ Báo cáo tăng, giảm CC/VC

##### Màn hình



##### Mô tả chi tiết các thành phần

Bảng EMP\_REWARD\_PROCESS

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên trường | Tên trường dữ liệu | Kiểu dữ liệu (Độ dài dữ liệu) | Input/output | Giá trị khởi tạo | Mô tả (mapping với CSDL nếu có) |
| 2 | Loại báo cáo |  | Combobox |  | =Null | Gồm 2 giá trị fix cứng:   * Năm * Tháng   Là trường bắt buộc |
| 3 | Năm |  | Combobox |  | =Null | Hiển thị danh sách từ (năm hiện tại -50 năm) đến ( năm hiện tại +50 năm)  Là trường bắt buộc |
| 4 | Tháng |  | Combobox |  | =Null | Chỉ hiển thị với loại báo cáo Tháng  Gồm 12 giá trị:  Tháng 1  Tháng 2  Tháng 3  Tháng 4  Tháng 5  Tháng 6  Tháng 7  Tháng 8  Tháng 9  Tháng 10  Tháng 11  Tháng 12 |
| 5 | Đơn vị |  | Tree picker |  | NULL | Hiển thị danh sách= ORGANIZATION.NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:  ORGANIZATION.EXPIRED\_DATE >= ngày cuối cùng báo cáo hoặc ngày kết thúc hiệu lực = null  AND  ORGANIZATION. FFECTIVE\_DATE <=ngày cuối cùng báo cáo  AND  Đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện hoặc đơn vị con của đơn vị thuộc phạm vi user đang thực hiện  PATH LIKE %( SYS\_USER\_ROLE\_DATA.DOMAIN\_DATA\_ID Của bản ghi có SYS\_USER\_ROLE\_ID = SYS\_USER\_ROLE .SYS\_USER\_ROLE\_ID của bản ghi có EMPLOYEE\_CODE= SYS\_USER. EMPLOYEE\_CODE của user đang thực hiện)%  Là trường bắt buộc |
| 6 | Diện đối tượng |  | Combobox |  | NULL | Hiên thị danh sách  = EMP\_TYPE.NAME của bản ghi có IS\_US ED =1 |
| 7 | Xuất báo cáo |  | Button |  |  | Click xuất báo cáo🡪 xuất ra file báo cáo đã chọn dưới dang excel |
| 8 | Xem báo cáo |  |  |  |  |  |

##### Template mẫu báo cáo Tổng hợp các hình thức khen thưởng cấp nhà nước

Template:

Trường dữ liệu:

* Danh sách thống kê tăng/giảm trong Năm/Tháng đã chọn
* Đơn vị = ORGANIZATION. NAME của bản ghi thỏa mãn điều kiện:

ORGANIZATION\_ID = ORGANIZATION\_ID của tổ chức đã chọn tab thông tin chung

OR

( PATH like %( ORGANIZATION\_ID của tổ chức đã chọn tab thông tin chung)%

* Số lượng nhân sự đầu kỳ = COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có: ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng

OR (( PATH like %( ORGANIZATION \_ID của tổ chức tương ứng)%

AND

WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE < Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm

AND

(WORK\_PROCESS.EXPIRED\_DATE>= Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm OR WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE IS NULL)

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

* Số lượng tăng trong kỳ == COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có: ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng OR ( PATH like %( ORGANIZATION\_ID của tổ chức tương ứng)%

AND

WORK\_PROCESS. EFFECTIVE\_DATE BETWEEN (Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm, Ngày cuối cùng của Tháng hoặc năm)

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

* Số lượng giảm trong kỳ == COUNT (EMPLOYEE.EMPLOYEE\_ID) của bản ghi có: EMPLOYEE\_ID= WORK\_PROCESS. EMPLOYEE\_ID của bản ghi có: ORGANIZATION\_ID= ORGANIZATION\_ID tương ứng OR ( PATH like %( ORGANIZATION\_ID của tổ chức tương ứng)%

AND

WORK\_PROCESS. EXPIRED\_DATE BETWEEN (Ngày đầu tiên của Tháng hoặc Năm, Ngày cuối cùng của Tháng hoặc năm)

AND

WORK\_PROCESS. EMP\_TYPE\_ID = Diện đối tượng đã chọn

* Số lượng nhân sự cuối kỳ = Nhân sự đầu kỳ + Tăng –Giảm